

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-PT
Ngày 07/7/2021
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt
hại do tài sản bị xâm phạm và
thanh toán giá trị tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và thanh toán giá trị tài sản trên đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lộc Văn S, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Ng - Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Nông Văn M; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đình Công T - Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Hoàng Thị N, Sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Nông Văn V, Sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Ông Hà Hồ T; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

4. Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Đức S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Lộc Văn S là nguyên đơn và ông Nông Văn M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tại đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lộc Văn S trình bày: Năm 2000 vợ chồng ông trồng 160 cây hồi tại khu đất rừng Đ, thuộc tiểu khu 479, Thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, sau đó hàng năm vợ chồng ông tiếp tục trồng dặm thêm và chăm sóc những cây đã trồng, quá trình ông trồng hồi và chăm sóc hồi không có ai đến tranh chấp, đến năm 2014 cây hồi của ông bắt đầu sai quả và được thu hoạch, từ đó hàng năm ông vẫn tiếp tục chăm sóc và hái quả, quá trình trồng và chăm sóc cây hồi ông chưa biết đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai hay chưa, ông thấy đất bỏ hoang nên ông mang cây hồi đến trồng. Đến ngày 20/02/2019 ông phát hiện cây hồi của gia đình ông bị chặt phá, ông đã đi báo cho Trưởng thôn, Công an viên và Trạm Biên phòng biết để lập biên bản hiện trường về việc bị chặt phá cây hồi, qua kiểm đếm kết quả có 99 cây hồi bị chặt, cây to nhất có đường kính 21cm, cây nhỏ nhất là 02 cm. Sự việc sau đó được chuyển đến Công an huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết. Qua điều tra xác M biết được ông Nông Văn M là người đã chặt phá cây hồi của gia đình ông và ông Nông Văn M đã thừa nhận được chặt những cây hồi của ông. Trong 99 cây hồi ông Nông Văn M đã chặt có 5 cây nằm trong diện tích đất ông Nông Văn M đã được nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng, còn 94 cây nằm ngoài diện tích đất ông Nông Văn M. Ngoài ra hiện nay trên đất còn có 148 cây hồi nằm trong diện tích đất ông Nông Văn M đã được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng. Kết quả điều tra xác M và kết luận không cấu thành tội phạm. Nay anh Lộc Văn S khởi kiện yêu cầu ông Nông Văn M phải bồi thường toàn bộ số cây hồi đã chặt là 106 cây và số cây hồi còn sống anh đã trồng trên đất của ông M là 154 cây, với giá trị 2.000.000 đồng/cây, ông M được sở hữu 154 cây hồi anh đã trồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hoàng Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn nhất trí với ý kiến trình bày của ông Lộc Văn S.

Bị đơn ông Nông Văn M trình bày: Năm 1998 vợ chồng ông được Nhà nước giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng theo quyết định số 363 ngày 13/11/1998, tại tiểu khu 479 với 02 lô đất là lô số 237 và lô số 249, lô số 237 có tên địa danh là Đông Lũng được giao với diện tích 11,4 ha loại đất rừng tự nhiên và đất trồng rừng. Từ khi được Nhà nước giao quyền quản lý sử dụng rừng vợ chồng ông quản lý sử dụng liên tục. Đến năm 2000 ông Lộc Văn S và một số người khác có trồng hồi trên đất của ông, ông có nhắc nhở và yêu cầu di dời đi nơi khác trồng, nhưng chỉ nói mồm với nhau, không đi báo chính quyền đến lập biên bản. Ông Lộc Văn S trồng khoảng 150 cây hồi tại khu đất rừng Đông Lũng, thuộc tiểu khu 479, ngay sau khi ông Lộc Văn S trồng, ông đã có nhắc nhở với bố của ông S và yêu cầu ông Lộc Văn S đem hồi đi chỗ khác trồng, nhưng ông Lộc Văn S cười và nói sổ xanh Nhà nước cấp cho ông là không có giá trị pháp lý, nếu khẳng định được sổ xanh có giá trị pháp lý thì ông Lộc Văn S không cần lấy những cây hồi đã trồng. Năm 2016 ông S tiếp tục trồng hồi và ông cũng đã đến nhắc nhở là không được trồng trên đất của ông, nếu không ông sẽ chặt hết. Vào khoảng năm 2018 ông đi lên rừng phát cây để chia đất rừng cho các con, ông đã chặt những cây hồi có trên đất của ông. Đến đầu năm 2019 ông Lộc Văn S làm đơn gửi đến Trưởng thôn, Trạm biên phòng và Công an huyện yêu cầu điều tra xác M việc bị chặt phá cây hồi, ông đã nhận được giấy mời của Ủy ban nhân dân (UBND) xã, yêu cầu đến UBND xã làm việc thì ông mới biết được ông Lộc Văn S, yêu cầu ông bồi thường về việc chặt phá cây hồi. Quá trình xác M điều tra ông cũng thừa nhận có được chặt những cây hồi nằm trên diện tích đất ông đã được nhà nước cấp sổ bìa xanh, về số lượng chặt bao nhiêu cây ông không biết. Ông đồng ý với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và đồng ý với kết quả thẩm định, xác định về vị trí cây hồi, tổng số cây hồi đã bị chặt và những cây còn sống, đồng thời ông cũng đồng ý kết quả định giá cây hồi ngày 14, 15/01/2021 của Tòa án huyện Đình Lập. Nhưng ông không đồng ý việc xác định: Cây Hồi nằm trong danh giới lô đất 238 và thửa đất 232 như biên bản thẩm định đã xác định, vì toàn bộ số cây hồi khi xem xét thẩm định đã xác định được đều nằm trong lô đất 237 không có lô 238 và thửa đất 232. Gia đình ông vẫn quản lý sử dụng toàn bộ cả khu đất có cây hồi. Ông thừa nhận những cây hồi trên đất không phải do ông trồng. Ông cho rằng ông Lộc Văn S không có đất ở khu vực này, chưa được sự đồng ý của ông đã tự ý trồng hồi xuống đất của ông, khi trồng ông đã có nhắc nhở yêu cầu ông Lộc Văn S chuyển đi chỗ khác, nhưng ông Lộc Văn S không chịu chuyển. Nay ông Lộc Văn S khởi kiện yêu cầu ông bồi thường theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ có 106 cây hồi bị chặt phá, mỗi cây có giá trị 2.000.000đồng và thanh toán giá trị 154 số cây hồi còn sống với giá mỗi cây 2.000.000đồng, ông không nhất trí bồi thường, ông yêu cầu ông Lộc Văn S chuyển 154 cây hồi đi chỗ khác trồng. Đối với những cây hồi còn sống xác định nằm ngoài lô đất số 237 như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì ông không có ý kiến gì, ông vẫn quản lý sử dụng đối với toàn bộ diện tích đất mà ông được giao quyền quản lý và sử dụng, nếu sau này có ai đến tranh chấp đất ông sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Ông Hà Hồ T, trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau: Ông không có mặt khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, sau khi được thông báo kết quả xem xét thẩm định và kết quả định giá tài sản ông cũng đồng ý. Ông không tự xác định được ranh giới theo bản đồ đối với lô đất 238 đứng tên ông, nhưng ông Hà Hồ T khẳng định những cây hồi này không phải do ông trồng, thực tế ông cũng không quản lý, sử dụng đất đối với phần diện tích có cây hồi bị chặt phá như đã xác định. Phần diện tích đất thuộc thửa số 238 có cây hồi là của ông Lộc Văn S trồng, số cây bị chặt và cây còn sống thì ông đồng ý cho ông Lộc Văn S tiếp tục sở hữu những cây hồi hiện nay còn sống, còn những cây hồi đã bị chặt ông không có yêu cầu bồi thường vì không phải cây của ông. Về đất ông không được quản lý phần diện tích này và cũng không tranh chấp với ai nên ông cũng không yêu cầu gì. Ông xác định không có quyền lợi, cũng không có nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án, nên đề nghị Tòa án tiến hành các hoạt động tố tụng và giải quyết, xét xử vắng mặt ông từ giai đoạn đầu cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn trình bày quan điểm: Qua kiểm tra sổ mục kê đất đai xác định thửa đất 232, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2008 - xã Bắc Xa, thửa đất này chưa được giao và cấp cho tổ chức, cá nhân nào; vì vậy UBND xã B có trách nhiệm quản lý. Tuy nhiên, trên thực tế UBND xã Bắc Xa không có tác động gì đến đất và rừng tự nhiên, cũng như quá trình quản lý từ trước tới nay; các hộ dân đã tự ý trồng hồi trên thửa đất này, nhưng không ảnh hưởng đến sự đa dạng của rừng tự nhiên, mà góp phần tạo thêm giá trị cho rừng, góp phần bảo vệ rừng trên địa bàn xã Bắc Xa. Qua xem xét thẩm định tại chỗ và định giá Tài sản, UBND xã có cử cán bộ tham gia, biết được: Trên phần diện tích thửa đất 232 có 234 cây hồi, trong đó có 39 cây bị chặt và 195 cây còn sống đều do hộ gia đình ông Lộc Văn S trồng. UBND xã không được trồng hồi trên thửa đất này, vì vậy không có yêu cầu bồi thường đối với những cây hồi bị chặt phá trên thửa đất, cũng không yêu cầu được sở hữu những cây hồi còn sống trên đất. Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ UBND xã Bắc Xa hoàn toàn đồng ý với kết quả này. Diện tích thửa đất số 232 UBND xã vẫn tiếp tục đang đứng tên trong sổ mục kê, các hộ dân có trồng cây hồi trên đất được tiếp tục sở hữu cây nếu không có tranh chấp với người khác. Nếu các hộ dân đã trồng cây hồi thấy đủ điều kiện để đăng ký quyền sử dụng đất thì thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định, UBND xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật. UBND xã B thấy không có liên quan đến vụ án này, vì vậy đề nghị Tòa án tiến hành các hoạt động tố tụng và xét xử, giải quyết vắng mặt đại diện Ủy ban nhân dân xã B từ giai đoạn đầu cho đến kết thúc vụ án.

Ngày 14, 15/01/2021, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định: Về cây Hồi nằm trong danh giới lô đất 237, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 - xã B, huyện Đ đã được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Nông Văn M, gồm có 156 cây, trong đó có 02 cây bị chặt và 154 cây còn sống. Ông Lộc Văn S yêu cầu ông Nông Văn M bồi thường cho ông 02 cây bị chặt và thanh toán cho ông 154 cây nằm trên đất ông

Nông Văn M, để ông Lộc Văn S trả đất và cây cho ông Nông Văn M quản lý, sử dụng đất và sở hữu cây trên đất.

Đối với những cây ông Lộc Văn S đã trồng thuộc lô đất 238, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 - xã B đã được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho ông Hà Hồ T gồm có 221 cây, trong đó có 65 cây bị chặt và 156 cây còn sống. Ông Lộc Văn S yêu cầu ông Nông Văn M bồi thường cho ông Lộc Văn S 65 cây mà ông Nông Văn M đã chặt. Cây Hôi ông Lộc Văn S trồng thuộc một phần diện tích thửa đất 232, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2008 - xã B, huyện Đ có 234 cây, trong đó có 39 cây bị ông Nông Văn M chặt và 195 cây còn sống. Ông Lộc Văn S yêu cầu ông Nông Văn M bồi thường cho ông Lộc Văn S 39 cây mà ông Nông Văn M đã chặt.

Ông Lộc Văn S không chấp nhận áp mức giá theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá, đề nghị Tòa án áp dụng mức giá theo yêu cầu của ông, đối với 106 cây hoi bị chặt phá, mỗi cây có giá trị 2.000.000đồng, tổng cộng là 212.000.000 đồng và thanh toán giá trị 154 cây hoi ông đã trồng trên đất của ông Nông Văn M với giá mỗi cây 2.000.000 đồng, tổng là 308.000.000 đồng. Ông Lộc Văn S trả lại đất cho ông Nông Văn M.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã Căn cứ khoản 2 và 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, 170, khoản 3 Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 điều 24, khoản 1, 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về bồi thường thiệt hại do cây hoi bị chặt và thanh toán giá trị cây hoi còn sống nằm trên lô đất 237:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lộc Văn S: Buộc ông Nông Văn M phải bồi thường do chặt cây hoi cho ông Lộc Văn S tổng số tiền 61.675.000 đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn) và thanh toán giá trị cây hoi cho ông Lộc Văn S số tiền 22.875.000đồng. Tổng cộng ông Nông Văn M phải bồi thường và thanh toán cho ông Lộc Văn S số tiền 84.550.000đồng (tám mươi tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Nông Văn M được sở hữu 154 cây hoi thuộc một phần lô đất số 237, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998; chồng ghép với tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 năm 2008 của xã Bắc Xa thuộc một phần thửa đất số 232.

(Có bản kê tọa độ cây hoi, sơ đồ xác định vị trí cây và sơ đồ khu đất chồng ghép bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 và bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tờ bản đồ số 05 – xã Bắc Xa kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lộc Văn S phải chịu 7.120.000 đồng (bảy triệu một trăm hai mươi nghìn), ông Nông Văn M phải chịu 1.780.000đồng (một triệu bảy trăm

tám mươi nghìn). Ông Lộc Văn S đã thanh toán toàn bộ chi phí nêu trên, buộc ông Nông Văn M có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Lộc Văn S số tiền 1.780.000 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi nghìn).

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi xuất chậm trả tại thời điểm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định nguyên đơn ông Lộc Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xử:

- Buộc ông Nông Văn M phải bồi thường 100% giá trị cây hồi đã bị chặt và số cây hồi còn sống trên thửa đất số 237 do ông M đang quản lý, với giá 2.000.000 đồng/cây.

- Không chấp nhận chịu số tiền chi phí tố tụng, buộc ông Nông Văn M phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn ông Nông Văn M, kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm xử: Sửa một phần quyết định của Bản án cụ thể như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lộc Văn S, ông Nông Văn M không phải bồi thường số tiền 84.550.000 đồng tiền giá trị cây hồi bị chặt và số cây hồi còn sống trồng trên thửa đất 237 của ông. Lý do sổ bì xanh của ông được cấp năm 1998 có giá trị pháp lý, nên ông yêu cầu được sở hữu 154 cây hồi do ông Lộc Văn S trồng trên đất của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Lộc Văn S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lộc Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Nông Văn M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nông Văn M, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lộc Văn S và bị đơn ông Nông Văn M làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn và bị đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới phục vụ cho việc kháng cáo. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không nhận định, đánh giá về lỗi của ông S nhưng chỉ buộc ông M phải bồi thường 50% giá trị cây hồi đã chặt, thanh toán 50% giá trị cây hồi còn sống trên lô 237 cho ông S là không có căn cứ. Mặt khác bản án sơ thẩm khi tính toán giá trị cây hồi bị chặt trên lô đất 232 xác định tổng số tiền 18.000.000 đồng là không chính xác. Số tiền chính xác

phải là 18.050.000 đồng. Nội dung kháng cáo này của nguyên đơn ông S là có căn cứ, cơ sở chấp nhận.

Ông S yêu cầu ông Nông Văn M bồi thường giá trị cây hồi bị chặt 2.000.000 đồng/ 1 cây nhưng không đưa ra được tài liệu, căn cứ chứng M cho yêu cầu. Mặt khác những cây hồi bị chặt có thời gian trồng, kích thước khác nhau nên có giá trị khác nhau nên việc ông S yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng/ 1 cây là không hợp lý. Nội dung kháng cáo này của ông S là không có căn cứ chấp nhận. Kháng cáo của ông S yêu cầu Tòa án buộc ông M phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng 8.900.000 đồng là không có căn cứ, cơ sở chấp nhận.

Kháng cáo của ông Nông Văn M không đồng ý bồi thường cho ông Lộc Văn S là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Áp dụng khoản 2, Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 23/4/2021 của TAND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo hướng phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn là ông Tô Đức S, nhưng đã có văn bản xin xét xử vắng mặt; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lộc Văn S, buộc ông Nông Văn M phải bồi thường 100% giá trị cây hồi đã bị chặt và số cây hồi còn sống trên thửa đất số 237 do ông M đang quản lý, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này có cơ sở để xem xét chấp nhận. Bởi, năm 2000 ông Lộc Văn S đã trồng cây hồi trên thửa đất 237 của ông Nông Văn M, trồng dặm vào các năm sau đó, *(theo Biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 14, 15/01/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm thì có 156 cây hồi, có đường kính gốc từ dưới 02cm đến 20cm có trong hồ sơ vụ án)*, nhưng ông Nông Văn M không có ý kiến gì về việc trồng cây hồi đối với ông S, cũng không đi báo Thôn, xã tiến hành lập biên bản hay nhờ chính quyền can thiệp về việc ông Lộc Văn S trồng cây trái phép trên đất của ông đã được Nhà nước giao quyền quản lý sử dụng đất. Như vậy, ông Nông Văn M đã mặc nhiên cho ông Lộc Văn S trồng hồi trên đất của mình, đến năm 2018 ông Nông Văn M mới đi chặt phá cây hồi do ông S trồng, như vậy, tính đến thời điểm sự việc xảy ra đã là 18 năm. Hơn nữa, tại mục [7]; phần nhận định của Bản án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định (... *Cây Hồi nằm trong danh giới lô đất 237, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998 gồm có 156 cây, trong đó có 02 cây bị chặt và 154 cây còn sống...*), mục [10] (...*Tổng giá trị cây hồi bị chặt và*

còn sống nằm trong lô 237 là 45.750.000 đồng + 2.050.000 đồng = 47.800.000 đồng...) và mục [11] (...*Với những cây bị chặt và cây còn sống nằm trong lô đất*

237, ông Nông Văn M có trách nhiệm bồi thường và thanh toán giá trị tương ứng 50% tổng giá trị cây bị chặt và cây còn sống và được sở hữu toàn bộ cây hồi còn sống nằm trong lô đất số 237...). Từ nhận định trên tại mục 1. phần Quyết định của Bản án tuyên (... Về bồi thường thiệt hại do cây hồi bị chặt và thanh toán giá trị cây hồi còn sống nằm trên lô đất 237; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lộc Văn S: Buộc ông Nông Văn M phải bồi thường do chặt cây hồi cho ông Lộc Văn S tổng số tiền 61.675.000 đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn) và thanh toán giá trị cây hồi cho ông Lộc Văn S số tiền 22.875.000 đồng. Tổng cộng ông Nông Văn M phải bồi thường và thanh toán cho ông Lộc Văn S số tiền 84.550.000 đồng (tám mươi tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nông Văn M được sở hữu 154 cây hồi thuộc một phần lô đất số 237...). Nhận định và Quyết định của Bản sơ thẩm như đã nêu phần trên là chưa đảm bảo căn cứ. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lộc Văn S, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận chịu số tiền chi phí tố tụng, buộc ông Nông Văn M phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy; tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Lộc Văn S giữ nguyên yêu cầu buộc ông Nông Văn M phải bồi thường giá trị là 2.000.000 đồng/cây đối với các cây hồi do ông M đã chặt tại các thửa đất 232; 237; 238 và 154 cây hồi còn sống trên thửa đất số 237 của ông M, với tổng số tiền là 520.000.000 đồng là không có cơ sở. Tại biên bản xem xét định giá tại sản ngày 15/01/2021 của TAND huyện Đình Lập có sự tham gia của ông Lộc Văn S, do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá cây hồi và thực tế tại địa phương không có hộ gia đình cá nhân chuyển nhượng cây hồi cho nhau nên Hội đồng định giá tài sản căn cứ quy định tại Quyết định số: 11/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017; Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi áp dụng trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn để định giá cây hồi bị chặt là đảm bảo có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Mặt khác những cây hồi bị chặt có thời gian trồng, kích thước khác nhau nên có giá trị khác nhau. Do đó, căn cứ nhận định tại mục [2] của bản án phúc thẩm, Hội đồng xét xử sẽ xem xét về khoản tiền chi phí tố tụng trong vụ án đối với các bên đương sự.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nông Văn M. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lộc Văn S, ông không phải bồi thường số tiền 84.550.000 đồng tiền giá trị cây hồi bị chặt và số cây hồi còn sống trồng trên thửa đất 237 của ông. Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận. Bởi, trong quá trình Cơ quan điều tra huyện Đ xác M giải quyết tố giác, Tòa án nhân dân huyện Đình Lập xác M thu thập tài liệu chứng cứ giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Nông Văn M đều thừa nhận ông M là người chặt toàn bộ những cây hồi do ông S trồng. Việc để ông S trồng hồi trên một phần lô đất 237 ông M được giao quyền quản lý sử dụng có lỗi của ông M, khi phát hiện ông S trồng hồi trên đất đã không có các biện pháp ngăn cản việc ông S trồng hồi, không báo chính quyền địa phương giải quyết, lập biên bản. Tòa án huyện

Đình Lập đã tiến hành xác M tính khả thi của việc di dời cây hồi tại Phòng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đình Lập xác định việc di dời cây hồi tốn kém, tỉ lệ sống thấp, không khả thi. Hội đồng định giá kết luận và được sở hữu 154 cây hồi còn sống trồng trên lô đất 237 là đảm bảo có căn cứ, đúng quy định.

[5] Về chi phí tố tụng: Kháng cáo của ông Lộc Văn S yêu cầu ông Nông Văn M bồi thường tổng số tiền 520.000.000 đồng, được chấp nhận một phần nên ông Lộc Văn S phải chịu chi phí tố tụng đối với phần không được Tòa án chấp nhận (520.000.000 đồng – 108.500.000 đồng = 411.500.000 đồng). Cụ thể ông Lộc Văn S phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 6.934.500 đồng. Xác nhận ông Lộc Văn S đã thanh toán xong.

[6] Ông Nông Văn M phải chịu chi phí tố tụng là 1.965.500 đồng để hoàn trả cho ông Lộc Văn S và phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định của khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[7] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lộc Văn S, được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, vì có cơ sở.

[8] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nông Văn M, không được Hội đồng xét xử chấp nhận, vì không có cơ sở.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Xét thấy nguyên đơn và bị đơn là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lộc Văn S;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nông Văn M. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1; 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, các Điều 158, 170, khoản 3 Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 điều 24, khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về bồi thường thiệt hại do cây hồi bị chặt và thanh toán giá trị cây hồi còn sống nằm trên lô đất 237.

- Buộc ông Nông Văn M phải bồi thường do chặt cây hồi cho ông Lộc Văn S tổng số tiền 61.675.000đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn) và thanh toán giá trị cây hồi cho ông Lộc Văn S số tiền 47.800.000đồng (bốn mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng cộng giá trị tài sản tranh chấp là: 108.500.000 đồng (một trăm linh tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Nông Văn M được sở hữu 154 cây hồi thuộc một phần lô đất số 237, tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1998; chồng ghép với tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 năm 2008 của xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Lộc Văn S phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 6.934.500 đồng (sáu triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng). Xác nhận ông Lộc Văn S đã thanh toán xong.

Ông Nông Văn M phải chịu số tiền chi phí tố tụng là 1.965.500 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng), để hoàn trả cho ông Lộc Văn S và phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định của khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Ông Lộc Văn S và ông Nông Văn M được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến

